

Số: 974/QĐ-UBND

Quảng Điền, ngày 30 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Trần Trùng Quang
(từ cầu Bộ Phi đến Trung tâm Y tế xã)
Địa điểm: xã Quảng Điền, thành phố Huế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG ĐIỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về lĩnh vực xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của UBND thành phố về việc ban hành quy định công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Huế;

Căn cứ Thông báo số 3047/TB-STC ngày 14/4/2026 của Sở Tài chính về việc thông báo bổ sung kinh phí và phân bổ danh mục chi tiết từ nguồn bổ sung mục tiêu theo dự toán năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 của UBND xã về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Trần Trùng Quang (từ cầu Bộ Phi đến Trung tâm Y tế xã);

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 387/TTr-VP ngày 28/5/2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã về việc đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Trần Trùng Quang (từ cầu Bộ Phi đến Trung tâm Y tế xã);

Căn cứ Thông báo số 45/TB-PKT ngày 29/5/2026 của phòng Kinh tế về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Trần Trùng Quang (từ cầu Bộ Phi đến Trung tâm Y tế xã);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 364/TTr-PKT ngày 29/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Trần Trùng Quang (từ cầu Bộ Phi đến Trung tâm Y tế xã), với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Trần Trùng Quang (từ cầu Bộ Phi đến Trung tâm Y tế xã).
2. Địa điểm xây dựng: xã Quảng Điền, thành phố Huế.
3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Quảng Điền.
4. Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND xã Quảng Điền.
5. Tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Khang Linh.
6. Loại, nhóm dự án: Công trình giao thông, cấp IV, nhóm C.

7. Mục tiêu dự án: Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông khu vực trung tâm xã; từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch; đảm bảo an toàn giao thông, nâng cao mỹ quan đô thị; tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

a) Quy mô tuyến: Chiều dài tuyến khoảng 590m. Điểm đầu giao với đường Nguyễn Vĩnh. Điểm cuối kết thúc trước cầu Bộ Phi.

b) Mặt cắt ngang:

- Theo quy hoạch: $B_{nền} = 16,5m$.

- Giai đoạn đầu tư phân kỳ: $B_{nền} = 13,5m$. Mặt đường rộng 7,5m. Vía hè mỗi bên rộng 3,0m.

c) Kết cấu mặt đường:

- Mặt đường cấp cao A1 bằng bê tông nhựa chặt rải nóng.

- Kết cấu áo đường gồm: Bê tông nhựa C16 dày 6cm. Lớp móng cấp phối đá dăm loại I Dmax25 dày 15cm. Lớp móng cấp phối đá dăm loại I Dmax37,5 dày 18cm.

d) Công trình phụ trợ: Bó vỉa, rãnh vỉa, tấm xe lăn bằng bê tông đúc sẵn. Hệ thống thoát nước mặt đầu nối vào hệ thống hiện trạng. Họng thu nước, hố ga thu nước. Sơn kẻ đường và hệ thống biển báo an toàn giao thông. Giữ nguyên hệ thống cây xanh hiện có.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế TCVN 10380:2014;

- Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông TCCS 39: 2022/TCĐBVN;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD;

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN - Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 12:2016/TCĐBVN - Sửa chữa mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu;

- Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2011;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ TCVN 7887:2018;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức khác có liên quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố; các kết quả điều tra, khảo sát, các số liệu, tài liệu về khí tượng, thủy văn, địa chất, hiện trạng kinh tế, xã hội...

- Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 3.900.000.000 đồng (Ba tỷ, chín trăm triệu đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 3.315.649.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 100.265.0000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 307.609.0000 đồng;
- Chi phí khác: 57.551.0000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 118.926.000 đồng.

(Có phụ lục kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: 02 năm, kể từ ngày khởi công.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách Nhà nước (Nguồn bổ sung có mục tiêu của thành phố và nguồn đối ứng ngân sách xã). Trong đó:

- + Ngân sách thành phố hỗ trợ: 3.135.000.000 đồng.
- + Ngân sách xã: 765.000.000 đồng.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thuê đơn vị quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Khoa bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng Giao dịch số 14 và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ánh Cầu

Phụ lục
BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG TRẦN TRÙNG QUANG
(TỪ CẦU BỘ PHI ĐẾN TRUNG TÂM Y TẾ XÃ)

Địa điểm xây dựng: xã Quảng Điền, thành phố Huế

(Kèm theo Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 30/5/2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Điền)

Đvt: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (%)	Thành tiền sau thuế
I	Chi phí xây dựng	Gxd	G1+...+G5	3.014.226.000		3.315.649.000
1	Mặt đường	G1	Bảng tổng hợp chi phí xây lắp thẩm tra	1.895.425.000	10	2.084.968.000
2	Nền đường	G2		411.993.000	10	453.192.000
3	Bó vỉa, rãnh vỉa, tấm xe lăn	G3		559.021.000	10	614.923.000
4	Vạch sơn, biển báo	G4		94.559.000	10	104.015.000
5	Hạng thu nước	G5		53.228.000	10	58.551.000
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	Gxd*3.024%	91.150.000	10	100.265.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv	TV1+...+TV7	283.035.000		307.609.000
1	Chi phí khảo sát địa hình	TV1	Bảng dự toán khảo sát thẩm tra	51.764.000	8	55.905.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	TV2	TV1*3.000%	1.553.000	8	1.677.000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	TV3	TV1*4.072%	2.108.000	8	2.277.000
4	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	TV4	Gxd*3.599%	108.482.000	8	117.161.000
5	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	TV5	TV5.1+TV5.2	12.153.000		13.125.000
5.1	Chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công	TV5.1	Gxd*0.170%*1,2	6.149.000	8	6.641.000

5.2	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	TV5.2	$Gxd \cdot 0.166\% \cdot 1,2$	6.004.000	8	6.484.000
6	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT	TV6	$Gxd \cdot 0,346\%$	10.429.000	8	11.263.000
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	TV7	$G1 \cdot 3.203\%$	96.546.000	10	106.201.000
IV	Chi phí khác	Gk	K1+...+K8	52.836.000		57.551.000
1	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	K1	$TMĐT \cdot 0.019\%$	741.000		741.000
2	Chi phí thẩm định HSMT gói thầu xây dựng	K2	$Gxd \cdot 0.100\%$	3.014.000	8	3.255.000
3	Chi phí thẩm định kết quả LCNT gói thầu xây dựng	K3	$Gxd \cdot 0.100\%$	3.014.000	8	3.255.000
4	Lệ phí thẩm định thiết kế	K4	$Gxd \cdot 0,109\% \cdot 0,5$	1.643.000		1.643.000
5	Lệ phí thẩm định dự toán	K5	$Gxd \cdot 0,106\% \cdot 0,5$	1.598.000		1.598.000
6	Chi phí bảo hiểm công trình	K6	$Gxd \cdot 0.200\%$	6.028.000	10	6.631.000
7	Chi phí kiểm toán độc lập	K7	$(TMĐT - Gdp) \cdot 0.960\%$	36.298.000	10	39.928.000
8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	K8	Tối thiểu	500.000		500.000
V	Chi phí dự phòng	Gdp	$TMĐT - (I+II+III+IV)$			118.926.000
	TỔNG CỘNG (1+2+3+4+5+6)	G	I+II+III+IV+V			3.900.000.000

(Bảng chữ: Ba tỷ, chín trăm triệu đồng)